

**BIỂU TỔNG HỢP KINH PHÍ PHÂN BỐ VỐN SỰ NGHIỆP NGUỒN NGÂN SÁCH TRUNG ƯƠNG NĂM 2025 THỰC HIỆN CHƯƠNG TRÌNH MTQG GIẢM NGHÈO BỀN VỮNG NĂM 2025 THEO DỰ ÁN**

(Kèm theo Nghị quyết số 17/NQ-HĐND ngày 26/5/2025 của HĐND huyện Đinh Lập)

Đơn vị: Triệu đồng

ST T	Địa phương	Mức vốn sự nghiệp ngân sách TW năm 2025 phân bổ theo Quyết định số 989/QĐ-UBND ngày 30/4/2025	Dự án 1. Hỗ trợ đầu tư phát triển hạ tầng KTXH các huyện nghèo, các xã ĐBKK vùng bãi ngang, ven biển và hải đảo				Dự án 2. Đa dạng hóa sinh kế, phát triển mô hình giảm nghèo	Dự án 3. Hỗ trợ phát triển sản xuất, cải thiện dinh dưỡng			Dự án 4. Phát triển giáo dục nghề nghiệp, việc làm bền vững				Dự án 5. Hỗ trợ nhà ở cho hộ nghèo, hộ cận nghèo trên địa bàn các huyện nghèo	Dự án 6. Truyền thông và giảm nghèo về thông tin			Dự án 7. Nâng cao năng lực và giám sát, đánh giá Chương trình		
			Tổng	TDA 1. Hỗ trợ đầu tư phát triển hạ tầng KTXH tại các huyện nghèo, xã ĐBKK vùng bãi ngang, ven biển và hải đảo		TDA 2. Đề án hỗ trợ 1 số huyện nghèo thoát khỏi tình trạng nghèo, đbkk		Tổng	Tiểu dự án 1. Hỗ trợ PTSX trong lĩnh vực nông nghiệp	Tiểu dự án 2. Cải thiện dinh dưỡng	Tổng	Tiểu dự án 1. Phát triển giáo dục nghề nghiệp vùng nghèo, vùng khó khăn	TDA2. Hỗ trợ người LĐ đi làm việc ở nước ngoài theo hợp đồng	Tiểu dự án 3. Hỗ trợ việc làm bền vững		Tổng	Tiểu dự án 1. Giảm nghèo về thông tin	Tiểu dự án 2. Truyền thông về giảm nghèo đa chiều	Tổng	Tiểu dự án 1. Nâng cao năng lực thực hiện Chương trình	Tiểu dự án 2. Giám sát, đánh giá
				Hoạt động 1. Hỗ trợ đầu tư cơ sở hạ tầng tại các huyện nghèo	Hoạt động 2. Hỗ trợ đầu tư cơ sở hạ tầng đặc biệt khó khăn vùng bãi ngang ven biển và hải đảo																
A	B	$I=2+6+7+10+14+15+18$	$2=3+4+5$	3	4	5	6	$7=8+9$	8	9	$10=11+12+13$	11	12	13	14	$15=16+17$	16	17	$18=19+20$	19	20
	<b>Đình Lập</b>	<b>7.217</b>	-		-		<b>2.400</b>	<b>2.337</b>	<b>1.837</b>	<b>500</b>	-					<b>630</b>	<b>500</b>	<b>130</b>	<b>350</b>	<b>230</b>	<b>120</b>
<b>I</b>	<b>Các cơ quan, đơn vị cấp huyện</b>	<b>500</b>	-	-	-	-	-	<b>500</b>	-	<b>500</b>	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-
1	Trung tâm y tế huyện	500						500		500									-		
<b>II</b>	<b>Đơn vị sự nghiệp</b>	<b>1.500</b>									<b>1.500</b>	<b>1.500</b>	-	-	-	-	-	-	-		
1	Trung tâm GDNN-GDTX Đình Lập	1.500									1.500	1.500									
<b>III</b>	<b>UBND các xã, thị trấn</b>	<b>5.217</b>	-	-	-	-	<b>2.400</b>	<b>1.837</b>	<b>1.837</b>	-	-	-	-	-	-	<b>630</b>	<b>500</b>	<b>130</b>	<b>350</b>	<b>230</b>	<b>120</b>
1	Thị trấn Đình Lập	180					50	100	100							10		10	20	10	10
2	Xã Lâm Ca	687					250	287	287							120	100	20	30	20	10
3	Thị trấn Nông trường Thái Bình	340					150	150	150							10		10	30	20	10
4	Xã Đình Lập	590					300	150	150							110	100	10	30	20	10
5	Xã Cường Lợi	390					200	150	150							10		10	30	20	10
6	Xã Đồng Thắng	390					200	150	150							10		10	30	20	10
7	Xã Châu Sơn	590					300	150	150							110	100	10	30	20	10
8	Xã Bắc Lãng	440					250	150	150							10		10	30	20	10
9	Xã Bình Xá	290					100	150	150							10		10	30	20	10
10	Xã Kiên Mộc	590					200	150	150							210	200	10	30	20	10
11	Xã Bắc Xá	240					100	100	100							10		10	30	20	10
12	Xã Thái Bình	490					300	150	150							10		10	30	20	10